

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 27 /2019/HSST

Ngày 26 tháng 4 năm 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Lục

2. Bà Thái Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25 /2019/QĐXXST-HS ngày 12 /4/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hà Trọng L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 5 năm 1963, tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa ; nguyên quán: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Trọng M; đã chết; con bà: Lê Thị Q; đã chết; có vợ Trịnh Thị Đ sinh năm 1965 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1989, con nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/9/2007, bị TAND huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 201/2007/HSST. Đã được xóa án tích.

- Ngày 24/10/2013 bị TAND huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 10.000.000đ về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 54/2013/HSST. Đã được xóa án tích.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2018 đến nay “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thủy – Trợ giúp viên Trợ giúp pháp lý, công tác tại Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2 thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An “có mặt”

2. Họ và tên: Đỗ Như T - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1960 tại T, Thanh Hóa; nguyên quán: huyện T, tỉnh Thanh Hóa ; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Như M; đã chết; con bà: Trịnh Thị C; đã chết; có vợ

Hà Thị Đ (đã ly hôn) và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2018 đến nay “có mặt”

- *Bị hại:*

+ Anh Trần Sỹ B; sinh năm 1977; nghề nghiệp: Lao động tự do

Trú tại: Xóm X, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An “có mặt”.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Khố K, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Đào Xuân C; sinh năm 1975; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Dương Văn T; sinh năm 1982; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Xóm Y, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Tất cả người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01 năm 2018 Hà Trọng L và Đỗ Như T cùng nhau lên kế hoạch thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Hà Trọng L, Đỗ Như T bàn bạc sẽ đi mua trăn, xương chó, mật lợn làm công cụ đi lừa đảo. Để thực hiện hành vi lừa đảo T sẽ đóng giả là người dân tộc thiểu số, mang theo trăn, xương chó, mật lợn đến gửi ở nhà người dân nói đó là xương khỉ, mật gấu và nhờ họ bán giúp; sau đó L sẽ đóng vai người đi thu mua trăn, xương khỉ, mật gấu tìm đến nơi T đã gửi để hỏi mua với giá cao hơn. Bằng thủ đoạn đó L và T tạo cho người dân có niềm tin rằng: họ sẽ được hưởng khoản tiền chênh lệch lớn nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ làm ăn mua bán với L và L. Khi đó L và T sẽ thực hiện hành vi lừa đảo với quy mô lớn để chiếm đoạt tài sản.

Sau khi bàn bạc kế hoạch L tìm mua 01 con trăn của người đàn ông có tên là T ở xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa với giá 2.500.000 đồng và L tiếp tục đến khu vực chợ M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa mua của một người dân tộc Mường 06 mật lợn sấy khô với giá 1.800.000 đồng; T mua 01 túi xương chó của một người đàn ông lạ tại chợ C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa với giá 1.000.000 đồng để thực hiện hành vi lừa đảo.

Ngày 01/2/2018 L điều khiển xe máy Wave RSX màu đỏ đen BKS 30Z6 – 98xx và T điều khiển xe máy màu đen (không nhớ BKS và đặc điểm xe) đến khu vực thị xã T, tỉnh Nghệ An thuê phòng số 01 nhà nghỉ 89 của anh Đào Xuân C tại xóm Đ, xã Đ, thị xã Thái Hòa để ở. L và T tìm hiểu và biết anh Trần Sỹ B làm nghề thu mua phế liệu tại xóm X, xã N, thị xã Thái Hòa nên tìm cách tiếp cận để thực hiện hành vi lừa đảo. L điều khiển xe máy Wave RSX màu đỏ đen BKS 30Z6 - 9898

chờ T đến cách khu vực điểm thu mua phế liệu của gia đình anh B khoảng 500m ngồi chờ; T xuống xe đi bộ, đóng giả là người dân tộc thiểu số đi vào nhà anh B để nhờ bán 01 con trăn với giá 2.000.000 đồng. Sau đó L sẽ lấy tên giả là L đóng vai người có nhu cầu mua trăn tiếp cận anh B để hỏi mua con trăn; L mua lại con trăn với giá 2.200.000 đồng. L cho anh B số điện thoại và dặn anh B nếu có trăn, xương khi, mật gấu thì cứ gọi cho L để L đến thu mua. Sau khi mua lại con trăn, L và T trả phòng nghỉ để về nhà tại Thanh Hóa.

Ngày 06/2/2018 theo như kế hoạch L, T quay lại địa bàn thị xã Thái Hòa, trên đường đi L và T ghé vào quán bên đường tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa mua 01 bình rượu cần, đến khu vực chợ Đ, thị xã T mua gạo nếp cẩm rồi đến thuê phòng số 01 nhà nghỉ 89 của anh Đào Xuân C tại xóm Đ, xã Đ, thị xã Thái Hòa để ở. L điều khiển xe máy Wave RSX màu đỏ đen BKS 30Z6 - 9898 chở T đến gần khu vực thu mua phế liệu của gia đình anh B ngồi chờ; T xuống xe đi bộ, mang theo túi xương chó đến gặp anh B và nói đó là xương khi, nhờ anh B bán giúp với giá 1.500.000 đồng. Anh B đồng ý và gọi điện thoại cho L hỏi L có mua xương khi không. Một lúc sau L vào nhà anh B xem xương và đồng ý mua số xương đó với giá 1.700.000 đồng.

Với thủ đoạn tương tự, sáng ngày 07/02/2018 T đón xe buýt từ nhà nghỉ 89 đến nhà anh B mang theo 01 chiếc mật lợn khô, T nói đó là mật gấu và nhờ anh B bán với giá 32.000.000 đồng, anh B tiếp tục gọi điện thoại hỏi L có mua mật gấu không, L đến xem mật và đồng ý mua với giá 35.000.000 đồng.

Sau ba lần thực hiện hành vi gửi bán với giá thấp, thu mua lại với giá cao, L và T đã tạo được niềm tin đối với anh B và thống nhất thực hiện hành vi lừa đảo với quy mô lớn để chiếm đoạt tài sản.

Ngày 08/02/2018 T đón xe buýt từ nhà nghỉ 89 đến gặp anh B. T mang 01 bình rượu cần và gạo mà L và T đã mua trước đó đến biếu anh B và nói đó là rượu cần và gạo dân tộc. T đưa ra 06 chiếc mật lợn sấy khô và nói với anh B đó là mật gấu, nhờ anh B bán giúp 06 chiếc mật gấu với giá 280.000.000 đồng. Anh B thấy có thể thu được tiền lời nếu bán lại được cho L như những lần trước nên gọi điện để hỏi L có nhu cầu mua mật gấu với số lượng lớn không. L đến nhà anh B, xem xét kỹ lưỡng 06 túi mật, sau khi cân lên L đồng ý mua với giá 390.000.000 đồng. Lần này L không thanh toán tiền ngay mà lấy lý do không mang đủ tiền, L sẽ niêm phong 06 chiếc mật cẩn thận và đặt cọc số tiền 15.000.000 đồng, hẹn anh B ngày hôm sau sẽ đến lấy mật và trả đủ số tiền còn lại. Khi biết anh B đã nhận 15.000.000 đồng số tiền đặt cọc của L, T quay lại gặp anh B giục anh B bán nhanh 06 chiếc mật, nếu không để T mang về Q bán cho người khác. Do đã nhận tiền đặt cọc và tin tưởng L sẽ mua lại 06 chiếc mật với giá 390.000.000 đồng nên anh B đã lấy số tiền 15.000.000 đồng L dùng để đặt cọc và đi vay được số tiền 185.000.000 đồng để đưa trước cho T; số tiền 80.000.000 đồng còn lại anh B viết giấy nợ hẹn hôm sau sẽ trả đủ. Sau khi

chiếm đoạt được 185.000.000 đồng và lấy lại số tiền 15.000.000 đồng L đã đặt cọc trước đó, T và L về nhà nghỉ 89 trả phòng, thu dọn đồ đạc bỏ về Thanh Hóa, cắt đứt mọi liên lạc với anh B. L nhận lại số tiền 15.000.000 đồng, số tiền chiếm đoạt được L và T chia nhau mỗi người 90.000.000 đồng, số tiền 5.000.000 đồng dùng để thanh toán chi phí ăn ở, đi lại chung.

Kết luận giám định số 7256/C09 (P4) ngày 02/01/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 02 miếng hình bầu dục màu nâu đen tạm giữ của Trần Sỹ B không phải là mật gấu.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 27 tháng 03 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Hà Trọng L, Đỗ Như T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 174 BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 174; Điểm b, s, x Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Hà Trọng L từ 27 (hai bảy) đến 30 (ba mươi) tháng tù.

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Đỗ Như T từ 24 (hai bốn) đến 27 (hai bảy) tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Sỹ B đã nhận lại được tài sản bị xâm phạm với số tiền 185.000.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) nơi các bị cáo, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

* Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng là công cụ do các bị cáo sử dụng để phạm tội, nay không còn giá trị sử dụng và không sử dụng được gồm:

- + 02 túi mật đã được niêm phong, bên trong túi niêm phong của viện kỹ thuật hóa - sinh và tài liệu nghiệp vụ - TCIV – Bộ công an, có chữ ký của các bên liên quan.

- + 01 (một) quyển vở học sinh kích thước (17 x 24)cm, nhãn hiệu Hồng Hà, bìa vở có nhiều màu sắc, phía dưới quyển vở có chữ "Campus" màu trắng, bên trong có ghi nội dung thu chi mà Hà Trọng L và Đỗ Như T đã chi tiêu trong quá trình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Trần Sỹ B thu giữ của Hà Trọng L.

- + 01 (một) bì xác rắn màu cam, bên trong có chứa 8,8kg xương chó màu nâu vàng thu giữ của Đỗ Như T.

- + 01 (một) chiếc áo khoác màu xám, có viền ống tay màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Như T.

- + 01 (một) đôi dép tổ ong hiệu Tiến Thành, màu đen, cỡ 45 đã qua sử dụng, thu giữ của Đỗ Như T.

+ 01 sim số 0366.620.xxx được lắp trong máy điện thoại di động thu giữ của Hà Trọng L.

- Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 106 BLTTHS: Tuyên tịch thu hóa giá xung quỹ nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 225, màu đen trắng thu giữ của Hà Trọng L.

+ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen, BKS 30Z6 – 98xx thu giữ của Hà Trọng L.

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho Đỗ Như Tài 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, số Imei 35886008461871, gắn sim số 0393.138.4xx thu giữ của Đỗ Như T.

- Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 BLHS truy thu nơi bị cáo Hà Trọng L số tiền bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo Tài không tranh luận với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề khác, nhưng đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo .

Người bào chữa cho bị cáo Long có ý kiến tranh luận: Về tội danh và tình tiết giảm nhẹ luật sư đồng ý như quan điểm của viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo L. Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị áp dụng Khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo L với mức án từ 24 (hai bốn) đến 27 (hai bảy) tháng tù, đồng thời đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí HSST cho bị cáo Long.

Bị cáo L đồng ý với ý kiến tranh luận của luật sư không bổ sung gì thêm.

Đại diện VKS tranh luận: VKS đồng ý với quan điểm của Luật sư về áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo L đã được VKS xem xét đề nghị và mức hình phạt mà VKS đề nghị đối với bị cáo L là phù hợp nên VKS vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị. Đối với yêu cầu miễn án phí hình sự cho bị cáo thấy rằng, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì người bị kết án phải chịu án phí HSST, không có quy định được miễn giảm trong Điều này nên VKS vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

VKS tranh luận với bị cáo T: Số tiền các bị cáo lừa đảo chiếm đoạt lớn nên VKS vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị đối với bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong quá trình điều tra những người làm chứng đã có lời khai đầy đủ nên sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 293 BLTTHS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp các vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được: trong khoảng thời gian từ đầu tháng 01/2018 đến ngày 08/02/2018 các bị cáo Hà Trọng L, Đỗ Như T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối là mua trăn, mật lợn sấy khô, xương chó để lừa là mật gấu, xương khi; Đỗ Như T sẽ đóng giả là người dân tộc thiểu số mang trăn, xương khi, mật gấu đến gặp anh Trần Sỹ B có cửa hàng thu mua phế liệu tại xóm X, xã N, thị xã Thái Hòa để nhờ anh B bán giúp với giá thấp; Hà Trọng L sẽ đóng giả là người chuyên đi thu mua trăn, xương khi, mật gấu để mua lại trăn, xương khi, mật gấu mà Đỗ Như T đã gửi trước đó tại anh B với giá cao hơn. Khi đã tạo niềm tin đối với anh B thì L, T tiếp tục bằng thủ đoạn gian dối làm cho anh B tin tưởng 06 túi mật lợn sấy khô mà Đỗ Như T gửi bán với giá 280.000.000 đồng là mật gấu và 06 túi mật đó sẽ được Hà Trọng L chắc chắn mua lại với giá cao hơn là 390.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền 185.000.000 đồng (một trăm tám lăm nghìn đồng) của anh Trần Sỹ B. Hành vi trên của các bị cáo Hà Trọng L, Đỗ Như T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm c, Khoản 2 Điều 174 BLHS như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

[4] Xét vị trí, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo cùng nhau bàn bạc về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, và cùng chuẩn bị công cụ, phương tiện để lừa đảo, mặc dù các bị cáo đã phân công nhiệm vụ của từng người nhưng không xác định được người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm, mà chỉ thể hiện vai trò đồng phạm của từng bị cáo nên chưa đủ yếu tố cấu thành phạm tội có tổ chức mà chỉ thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo L trực tiếp đi mua trăn, mật lợn, còn bị cáo T đi mua xương chó, cả hai tiếp cận anh B bằng các thủ đoạn gian dối khác nhau nhưng đều được bàn bạc, thống nhất từ trước, nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh B,

và chia đều số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt nên phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò tương đương nhau trong vụ án.

[5] Xét vụ án thuộc loại nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo ý thức được tài sản của người khác không được quyền chiếm đoạt dưới bất kỳ hành vi gian dối nào, nhưng vì lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần xử phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và việc cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, mới đủ các điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy rằng: Bị cáo L có nhân thân xấu đã từng bị kết án hai lần về tội “Đánh bạc” nhưng bị cáo không coi đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo L. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã nộp lại số tiền do phạm tội mà có là 185.000.000đ để khắc phục hậu quả cho người bị hại trước khi xét xử. bị cáo L đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi tham gia quân đội nên được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, bị cáo T có anh Trai Đỗ Như V là liệt sỹ, bị cáo là người thân duy nhất còn sống đang trực tiếp thờ cúng. Tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vậy cần áp dụng Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, áp dụng thêm Điểm x Khoản 1 điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo L.

[7] Về hình phạt bổ sung: Qua biên bản xác minh nguồn thu nhập ngày 02/01/2019 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa tại xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, thấy các bị cáo đều không có việc làm ổn định, thu nhập thấp nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Sỹ B đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Thấy rằng ý kiến trên của người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về trách nhiệm dân sự.

[9] Về vật chứng vụ án : Đối với các vật chứng gồm:

+ 02 túi mật đã được niêm phong, bên trong túi niêm phong của viện kỹ thuật hóa - sinh và tài liệu nghiệp vụ - TCIV – Bộ công an, có chữ ký của các bên liên quan.

+ 01 (một) quyển vở học sinh kích thước (17 x 24)cm, nhãn hiệu Hồng Hà, bìa vở có nhiều màu sắc, phía dưới quyển vở có chữ "Campus" màu trắng, bên trong có ghi nội dung thu chi mà Hà Trọng L và Đỗ Như T đã chi tiêu trong quá trình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Trần Sỹ B thu giữ của Hà Trọng L.

+ 01 (một) bì xác rắn màu cam, bên trong có chứa 8,8kg xương chó màu nâu vàng thu giữ của Đỗ Như T.

+ 01 (một) chiếc áo khoác màu xám, có viền ống tay màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Như T.

+ 01 (một) đôi dép tổ ong hiệu Tiên T, màu đen, cỡ 45 đã qua sử dụng, thu giữ của Đỗ Như T.

+ 01 sim số 0366.620.xxx được lắp trong máy điện thoại di động thu giữ của Hà Trọng L.

Xét đây là các vật chứng do các bị cáo sử dụng làm công cụ để phạm tội; mang dấu vết tội phạm, là đối tượng của tội phạm, có giá trị chứng minh tội phạm; tại phiên tòa đã xác định được không còn giá trị sử dụng và không sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy theo Điểm c Khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Các vật chứng gồm:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 225, màu đen trắng thu giữ của Hà Trọng L.

+ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen, BKS 30Z6 – 98xx thu giữ của Hà Trọng L.

Đây là các vật chứng mà bị cáo L đã sử dụng làm phương tiện đi lại và liên lạc để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với vật chứng là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, số Imei 35886008461871, gắn sim số 0393.138.4xx thu giữ của Đỗ Như T, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được bị cáo tài không sử dụng chiếc điện thoại này làm công cụ để liên lạc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 106 BLTTHS tuyên trả lại cho bị cáo Tài.

+ Đối với vật chứng là 01 (một) bì xác rắn màu trắng, bên trong có chứa 01 (một) con trăn nặng 9,5kg thu giữ của Đỗ Như T; ngày 26/12/2018 Cơ quan CSĐT công an thị xã Thái Hòa đã xử lý bàn giao cho Hạt kiểm lâm thị xã Thái Hòa quản lý nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

+ Đối với chiếc xe máy màu đen Đỗ Như T sử dụng làm phương tiện đi lại trong quá trình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi thực hiện xong hành vi, Tài đã bán chiếc xe đó cho một người đàn ông lạ, không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Hiện Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hòa không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định.

[10] Biện pháp tư pháp: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo L đã sử dụng số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) để làm công cụ lừa đảo nên truy thu nơi bị cáo để tịch thu sung quỹ Nhà nước theo Điểm a Khoản 1 Điều 47 BLHS

[11].Đối với người đàn ông tên T ở xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã bán con trăn cho bị cáo L và người đàn ông dân tộc Mường đã bán 06 chiếc mật lợn xấy khô cho bị cáo L và người đàn ông đã bán 01 túi xương chó cho bị cáo T, hiện chưa xác

định được lai lịch cụ thể nên không có căn cứ để xử lý, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định.

[12] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s, x Khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hà Trọng L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hà Trọng L 27 (hai bảy) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 24/12/2018.

- Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Như T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Như T 27 (hai bảy) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 24/12/2018.

* Xử lý vật chứng:

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 47 BLHS tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm:

+02 túi mật đã được niêm phong, bên trong túi niêm phong của viện kỹ thuật hóa - sinh và tài liệu nghiệp vụ - TCIV – Bộ công an, có chữ ký của các bên liên quan.

+ 01 (một) quyển vở học sinh kích thước (17 x 24)cm, nhãn hiệu Hồng Hà, bìa vở có nhiều màu sắc, phía dưới quyển vở có chữ "Campus" màu trắng, bên trong có ghi nội dung thu chi mà Hà Trọng L và Đỗ Như T đã chi tiêu trong quá trình thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Trần Sỹ B thu giữ của Hà Trọng L.

+ 01 (một) bì xác rắn màu cam, bên trong có chứa 8,8kg xương chó màu nâu vàng thu giữ của Đỗ Như T.

+ 01 (một) chiếc áo khoác màu xám, có viền ống tay màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Như T.

+ 01 (một) đôi dép tổ ong hiệu Tiên Thành, màu đen, cỡ 45 đã qua sử dụng, thu giữ của Đỗ Như T.

+ 01 sim số 0366.620.xxx được lắp trong máy điện thoại di động thu giữ của Hà Trọng L.

- Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 106 – BLTTHS; Điểm a Khoản 1 Điều 47 BLHS tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước các vật chứng gồm:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 225, màu đen trắng thu giữ của Hà Trọng L.

+ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen, BKS 30Z6 – 9898 thu giữ của Hà Trọng L.

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho bị cáo Đỗ Như Tài 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, số Imei 35886008461871, gắn sim số 0393.138.4xx thu giữ của Đỗ Như T.

Toàn bộ tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự Thị xã Thái Hoà theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 03 năm 2019 giữa Công an Thị xã Thái Hoà và Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Thái Hoà.

- Biện pháp tư pháp : Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 BLHS: Truy thu số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) nơi bị cáo Hà Trọng L để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 – BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12//2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án): Buộc các bị cáo Hà Trọng L, Đỗ Như T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngoan